ÚY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG NGUYỄN VĂN TÔ

DANH SÁCH HỌC SINH DỰ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP QUẬN
NĂM HỌC 2020 - 2021

STT	TenLop	Ho	Ten	Phai	NgaySinh	NoiSinh	TenDanToc	TenMonThi	MonThiID
1	9/1	HUỲNH NGỌC YẾN	LINH	Nữ	01/11/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Hóa học 9	1934
2	9/1	PHẠM NGUYỄN ANH	QUÂN	Nam	16/04/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Hóa học 9	1934
3	9/3	LÊ THÁI	SƠN	Nam	10/04/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Hóa học 9	1934
4	9/4	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	KHUÊ	Nữ	04/04/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Hóa học 9	1934
5	9/4	TRƯƠNG YẾN	NHI	Nữ	15/03/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Hóa học 9	1934
6	9/4	NGUYỄN LÊ BẢO	TRÂN	Nữ	02/01/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Hóa học 9	1934
7	9/5	PHAN ĐỨC	DUY	Nam	24/08/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Hóa học 9	1934
8	9/5	BÙI ĐĂNG	KHOA	Nam	16/11/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Hóa học 9	1934
9	9/7	TRƯƠNG BẢO	THI	Nữ	11/04/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Hóa học 9	1934
10	9/7	LÊ HOÀNG PHƯƠNG	TRINH	Nữ	22/06/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Hóa học 9	1934
11	9/9	TRẦN NGỌC	TRÂM	Nữ	25/05/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Hóa học 9	1934
12	9/10	TRẦN KHẮC	BÌNH	Nam	22/09/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Hóa học 9	1934
13	9/10	PHAN THANH	HÀ	Nữ	25/12/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Hóa học 9	1934
14	9/10	NGUYỄN QUANG	HUY	Nam	07/03/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Hóa học 9	1934
15	9/1	LÂM GIA	BẢO	Nam	31/03/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Khoa học tự nhiên	550
16	9/1	VŨ GIA	THUẬN	Nam	04/12/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Khoa học tự nhiên	550
17	9/1	VŨ LÊ AN	TƯỜNG	Nữ	06/06/2006	Hà nội	Kinh	Khoa học tự nhiên	550
18	9/3	HỒ BẢO KHÁNH	HÂN	Nữ	14/05/2006	Nghệ An	Kinh	Khoa học tự nhiên	550
19	9/3	QUÁCH TUỆ	NGHI	Nữ	19/07/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Khoa học tự nhiên	550
20	9/10	NGUYỄN HỮU MINH	DUY	Nam	14/03/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Khoa học tự nhiên	550
21	9/10	NGUYỄN HỮU ĐĂNG	KHÔI	Nam	06/03/2006	TP Hồ Chí Minh	Kinh	Khoa học tự nhiên	550
22	9/10	NGUYỄN HOÀNG NAM	NHẬT	Nam	19/10/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Khoa học tự nhiên	550
23	9/10	TRẦN KHẢ	TƯỜNG	Nữ	02/11/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Khoa học tự nhiên	550
24	9/6	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	Nữ	03/04/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Lịch sử 9	1937
25	9/7	HUỲNH LÂM BẢO	ANH	Nữ	18/08/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Lịch sử 9	1937

STT	TenLop	Ho	Ten	Phai	NgaySinh	NoiSinh	TenDanToc	TenMonThi	MonThiID
26	9/1	NGUYỄN TƯỜNG KHÁNH	HÂN	Nữ	18/12/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Ngữ văn 9	1936
27	9/1	VĂN HOÀNG	SƠN	Nam	07/06/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Ngữ văn 9	1936
28	9/2	PHẠM NGÔ HỒNG	ĐÀO	Nữ	06/05/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Ngữ văn 9	1936
29	9/2	NGUYỄN NGỌC	HÂN	Nữ	26/07/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Ngữ văn 9	1936
30	9/2	NGUYỄN TRẦN XUÂN	PHƯƠNG	Nữ	09/11/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Ngữ văn 9	1936
31	9/3	LÊ HUỲNH NGỌC	TUYỀN	Nữ	20/06/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Ngữ văn 9	1936
32	9/4	PHAN GIA TRÍ	PHÚC	Nam	24/04/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Ngữ văn 9	1936
33	9/4	NGUYỄN ANH	THY	Nữ	04/12/2006	TP Hồ Chí Minh	Kinh	Ngữ văn 9	1936
34	9/4	NGUYỄN THANH	TÚ	Nữ	21/08/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Ngữ văn 9	1936
35	9/6	NGUYỄN THỊ NGỌC	MINH	Nữ	10/06/2006	Bạc liêu	Kinh	Ngữ văn 9	1936
36	9/7	BÙI NGUYỄN KIM	NGÂN	Nữ	19/07/2006	Hồ Chí Minh	Kinh	Ngữ văn 9	1936
37	9/9	TRẦN NGỌC	BÍCH	Nữ	17/02/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Ngữ văn 9	1936
38	9/9	NGUYỄN ĐÀO MINH	HÀ	Nữ	21/11/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Ngữ văn 9	1936
39	9/9	PHAN TRƯƠNG BẢO	NGỌC	Nữ	02/05/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Ngữ văn 9	1936
40	9/10	DƯƠNG NGỌC YẾN	LINH	Nữ	19/08/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Ngữ văn 9	1936
41	9/1	NGUYỄN ĐỖ BẢO	KHANH	Nữ	22/10/2006	Đà Nẵng	Kinh	Sinh học 9	1935
42	9/5	TRẦN NGUYÊN	KHANG	Nam	17/08/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Sinh học 9	1935
43	9/6	ÂU NGỌC	DIỆU	Nữ	25/03/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Sinh học 9	1935
44	9/6	HUỲNH THỊ NGỌC	DIỆU	Nữ	25/08/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Sinh học 9	1935
45	9/7	DƯƠNG NGÔ HỒNG	ÂN	Nữ	04/07/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Sinh học 9	1935
46	9/7	PHẠM KHẢ	LÂM	Nữ	28/09/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Sinh học 9	1935
47	9/9	NGUYỄN HOÀNG ANH	THƯ	Nữ	19/06/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Sinh học 9	1935
48	9/10	TỐNG PHÚC	NHIÊN	Nữ	15/10/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Sinh học 9	1935
49	9/10	PHẠM XUÂN MINH	TRÍ	Nam	26/10/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Sinh học 9	1935
50	9/1	NGUYỄN THÀNH	PHÁT	Nam	22/10/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Tiếng Anh 9	1939
51	9/2	NGUYỄN CHÍ	BẢO	Nam	12/12/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Tiếng Anh 9	1939
52	9/2	TRẦN XUÂN	MAI	Nữ	27/01/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Tiếng Anh 9	1939
53	9/3	ĐÀO LÊ TẤN	KHA	Nam	26/07/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Tiếng Anh 9	1939
54	9/3	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	KHANH	Nữ	16/12/2006	Trà Vinh	Kinh	Tiếng Anh 9	1939
55	9/3	LÊ HOÀNG	PHÚC	Nam	26/09/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Tiếng Anh 9	1939

STT	TenLop	Ho	Ten	Phai	NgaySinh	NoiSinh	TenDanToc	TenMonThi	MonThiID
56	9/4	VÕ YẾN	SAN	Nữ	26/04/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Tiếng Anh 9	1939
57	9/5	NGUYỄN NGỌC DUY	UYÊN	Nữ	26/10/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Tiếng Anh 9	1939
58	9/6	DƯƠNG MINH	TÂM	Nam	24/04/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Tiếng Anh 9	1939
59	9/7	ĐẶNG XUÂN	PHÁT	Nam	20/04/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Tiếng Anh 9	1939
60	9/7	BÙI NHẬT	VY	Nữ	28/07/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Tiếng Anh 9	1939
61	9/9	NGUYỄN HẢI	TRIỀU	Nam	20/10/2006	TP Hồ Chí Minh	Kinh	Tiếng Anh 9	1939
62	9/2	NGUYỄN LÊ TRUNG	KIÊN	Nam	06/04/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Tin học 9	1942
63	9/4	NGUYỄN PHẠM MINH	DUY	Nam	31/08/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Tin học 9	1942
64	9/6	NGUYỄN HỨA MINH	PHÁT	Nam	17/07/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Tin học 9	1942
65	9/7	LÊ VÕ NGHĨA	HIỆP	Nam	14/07/2006	Đăklăk	Kinh	Tin học 9	1942
66	9/1	BÙI VÕ ĐỨC	TRỌNG	Nam	02/10/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Toán 9	1611
67	9/4	NGUYỄN THỤY PHƯƠNG	UYÊN	Nữ	08/01/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Toán 9	1611
68	9/5	HUỲNH HÀO	PHÁT	Nam	25/04/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Toán 9	1611
69	9/6	NGUYỄN MINH	ANH	Nam	15/04/2006	TP Hồ Chí Minh	Kinh	Toán 9	1611
70	9/6	PHAN NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	Nam	16/01/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Toán 9	1611
71	9/6	PHAN VÕ KHÁNH	TRÂM	Nữ	14/06/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Toán 9	1611
72	9/7	BÙI TRẦN	ĐOÀN	Nam	20/03/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Toán 9	1611
73	9/7	TRIỆU	VŨ	Nam	03/04/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Toán 9	1611
74	9/8	TẠ THANH	BÌNH	Nam	11/11/2006	TP Hồ Chí Minh	Kinh	Toán 9	1611
75	9/8	ĐÀO PHÚC	NGUYÊN	Nam	28/07/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Toán 9	1611
76	9/8	NGUYỄN TẤN	PHÁT	Nam	18/02/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Toán 9	1611
77	9/8	NGUYỄN VIẾT	THÀNH	Nam	17/03/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Toán 9	1611
78	9/8	NGUYỄN NGỌC THỦY	TIÊN	Nữ	16/01/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Toán 9	1611
79	9/9	BÙI ĐẠI	ĐỨC	Nam	14/06/2006	Hải dương	Kinh	Toán 9	1611
80	9/9	ĐẶNG	MONICA	Nữ	03/08/2006	TP Hồ Chí Minh	Kinh	Toán 9	1611
81	9/9	TRẦN ANH	TRÚC	Nữ	07/10/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Toán 9	1611
82	9/9	NGUYỄN THỤY NGỌC	XUÂN	Nữ	02/03/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Toán 9	1611
83	9/10	BÙI ĐỨC	TƯỜNG	Nam	19/06/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Toán 9	1611
84	9/3	NGUYỄN LÊ THIÊN	KHÁNH	Nam	09/01/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Vật lý 9	1933
85	9/4	NGUYỄN XUÂN	NGHI	Nữ	20/07/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Vật lý 9	1933

STT	TenLop	Ho	Ten	Phai	NgaySinh	NoiSinh	TenDanToc	TenMonThi	MonThiID
86	9/4	VŨ ĐẶNG KIM	THƯ	Nữ	21/04/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Vật lý 9	1933
87	9/5	LÝ VIỆT	PHÚC	Nam	02/01/2006	Cần Thơ	Kinh	Vật lý 9	1933
88	9/7	TRÌNH LÊ THẢO	NHI	Nữ	31/10/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Vật lý 9	1933
89	9/9	VĂN UYỂN	NHI	Nữ	23/04/2006	Hồ Chi Minh	Kinh	Vật lý 9	1933
90	9/9	NGUYỄN MINH	QUÂN	Nam	01/03/2006	TP Hồ Chí Minh	Kinh	Vật lý 9	1933